

Bản án số: 750/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 28/9/2017
V/v: tranh chấp “ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Kim Hồng – Cán bộ hưu trí Quận 7

2/ Bà Huỳnh Nguyệt Ánh – Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Quận 7

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Vũ Thùy Dung - là Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Châu - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án thụ lý số 272/2017/HNST ngày 23/5/2017 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 211/2017/QĐST-HNGĐ ngày 25/8/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 150/2017/QĐST-HNGĐ ngày 11/9/2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phạm Ngọc P, sinh năm 1973 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: 10F đường A, tổ B, khu phố C, phường D, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh

- Bị đơn: Bà Triệu Hương T, sinh năm 1974 (vắng mặt)

Địa chỉ: 16 đường M, tổ N, khu phố X, phường Y, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chủ tọa công bố tóm tắt nội dung vụ án và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như sau:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 11/5/2017, cũng như các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Phạm Ngọc P trình bày:

Ông P và bà Triệu Hương T tự nguyện kết hôn năm 2001, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng

hơn 10 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do sau khi chuyển về xã Long Thới, huyện Nhà Bè sống chung với mẹ chồng, giữa bà T và mẹ chồng thường xảy ra mâu thuẫn trong sinh hoạt hàng ngày, nên chỉ sống chung được một thời gian ngắn ở đây thì bà T chuyển về sống tại nhà mẹ ruột bà T tại địa chỉ số 16 đường M, tổ N, khu phố X, phường Y, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh. Từ đó, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn ông nhiều lần khuyên bảo bà T quay trở về để gia đình đoàn tụ nhưng không được. Đến năm 2013, ông và bà T quyết định sống ly thân, hai bên không còn quan tâm tới nhau nữa, từ đó trở đi ông và bà T cũng không liên hệ gì với nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể khắc phục, nếu duy trì mối quan hệ vợ chồng chỉ là sự ràng buộc về mặt pháp lý nên ông P xin được ly hôn với bà T để giải phóng cho nhau và yên tâm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Quá trình chung sống có 01 con chung họ tên: Phạm Gia P, sinh ngày 10/8/2005. Ông P yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: ông P xác nhận không có
- Về nợ chung, nợ riêng: ông P xác nhận không có.

Về phía bị đơn bà Triệu Hương T, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Quận 7 đã nhiều lần triệu tập hợp lệ bà T theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bà T vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai cũng như hòa giải theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghe chủ tọa công bố tóm tắt nội dung vụ án và nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án;

Sau khi nghe kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 phát biểu quan điểm;

Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án, nhận thấy:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thì đơn khôi phục xin ly hôn của nguyên đơn đối với bị đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Xét trong quá trình tòa thụ lý giải quyết, ngày 11/9/2017, ông P nộp Đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Phía bà T đã được Tòa án tiến hành triệu tập và tổng đạt hợp lệ các Thông báo thụ lý, Thông báo về phiên hòa giải, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn bà T vẫn liên tục vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản hồi.

Căn cứ khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì bà T đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Tòa tham gia tố tụng nên bà T phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Vì vậy, lấy yêu cầu khởi kiện và các chứng cứ do phía nguyên đơn xuất trình để xem xét giải quyết và Tòa án xét xử vắng mặt bà T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 207; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228; điểm a, điểm b, khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung khởi kiện:

[4] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 162, quyển số 01/2001 ngày 26/12/2001 tại Ủy ban nhân dân phường Tân Thuận Tây, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh; Hội đồng xét xử khẳng định quan hệ hôn nhân giữa ông Phạm Ngọc P và bà Triệu Hương T là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Xét, mặc dù hai bên ông P bà T có thời gian dài chung sống hạnh phúc, mâu thuẫn chỉ thực sự phát sinh kể từ năm 2009 khi vợ chồng ông P, bà T chuyển về sống chung nhà với mẹ ruột ông P. Mâu thuẫn mẹ chồng nàng dâu phát sinh, lẽ ra bà T phải bàn bạc với ông P để vợ chồng tìm cách hóa giải mâu thuẫn với mẹ chồng thì bà T lại bỏ về nhà mẹ ruột mình sống. Ông P khuyên bảo không được, từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày một căng

thăng và ngày một trầm trọng hơn kể từ năm 2013 đến nay khi hai người chính thức sống ly thân, thể hiện qua việc không ai còn quan tâm liên hệ với nhau. Nay bản thân ông P cũng xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể khắc phục và kiên quyết xin được ly hôn. Từ những phân tích và căn cứ nêu trên, xét thấy, nếu tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân giữa ông P và bà T chỉ là sự ràng buộc về mặt pháp luật, bởi hôn nhân thực tế không còn tồn tại, không đem lại hạnh phúc đích thực cho nhau. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông P.

[5] - Về con chung: Ông P và bà T có 01 con chung họ tên: Phạm Gia Phát, sinh ngày 10/8/2005.

Xét: Từ khi bà T bỏ đi nơi khác sống, ông P là người trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con chung, ông P có nguyện vọng được nuôi con chung, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, tại bản tự khai ngày 07/6/2017 cháu Phạm Gia P khai và thể hiện nguyện vọng của cháu xin được ở với bố vì bố chăm sóc tốt hơn. Xét, để đảm bảo sự phát triển toàn diện về mặt tâm sinh lý của trẻ nên cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng con chung là phù hợp.

[6] - Về tài sản chung: Ông P xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xét.

[7] - Về nợ chung, nợ riêng: Ông P xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xét.

[8] - Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông P là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 91; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 và điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Về hình thức: Xử vắng mặt: Nguyên đơn ông Phạm Ngọc P và bị đơn bà Triệu Hương T.

Về nội dung:

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Phạm Ngọc P được ly hôn với bà Triệu Hương T.

2. Về con chung: Ông P xác nhận có 01 con chung họ tên là: Phạm Gia Phát, sinh ngày 10/8/2015.

Giao ông Phạm Ngọc P là người trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung. Ghi nhận sự tự nguyện của ông P không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Bà T có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Ông P xác nhận không có.

4. Về nợ chung, nợ riêng: Ông P xác nhận không có.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phạm Ngọc P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số AA/2012/07867 ngày 23 tháng 5 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7. Ông P đã nộp đủ.

6. Án xử công khai, tuyên án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Ông P, bà T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TpHCM;
- VKSND Q7;
- Chi cục THADS Q7;
- Các đương sự;
- UBND P.Tân Thuận Tây, Q7
- Lưu, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký**

Trần Thị Thủy